

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2018

V/v: “*Tranh chấp hôn
nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Vũ Lê Tín.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối PL2, phường QD, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối PL 2, phường QD, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2016 tại UBND phường QP, thị xã H. Đến tháng 05 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã được chính quyền địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ

khi Tòa án hòa giải đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phúc Duy H, sinh ngày 22/10/2016. Ly hôn chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung trên và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị mỗi tháng 1.000.000đ tính từ tháng 11/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị hiện nay làm kế toán cho công ty TNHH Luật gia V thu nhập mỗi tháng 5.800.000 đồng.

Về tài sản: Chị và anh M tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với lời trình bày của chị Th về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Anh thấy vẫn còn tình cảm với chị Th, nhưng chị nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Phúc Duy H, sinh ngày 22/10/2016. Ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung trên và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Anh hiện nay làm nghề đi biển thu nhập mỗi tháng 7-8 triệu đồng.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ là không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th. Đề nghị xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn M.

Về con chung: Đề nghị giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Trần Phúc Duy H, sinh ngày 22/10/2016. Chị Th yêu cầu anh M cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ cần chấp nhận.

Về tài sản: Chị Th, anh M không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Th, anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Trần Văn M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn, bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường QD, thị xã H, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Th và anh Trần Văn M là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ khi mâu thuẫn cho đến nay gia đình hai bên tích cực khuyên bàn vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Tòa án cũng đã phân tích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị Th yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M có cơ sở nên cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Chị Th và anh M thống nhất có 01 con chung là Trần Phúc Duy H, sinh ngày 22/10/2016. Ly hôn nguyện vọng của anh chị đều muốn được nuôi con chung, đó là nguyện vọng chính đáng. Nhưng xét thực tế anh M làm nghề đi biển thường xuyên vắng nhà, nên không thuận lợi trong việc nuôi dạy con. Chị Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có điều kiện hàng ngày gần gũi chăm sóc con đang còn nhỏ mới 2 tuổi. Mặt khác từ khi con sinh ra chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhiều hơn. Vì vậy, giao con chung cho chị Thuận trực tiếp, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý. Tuy không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh M vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị Th yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) nên chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị Th, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Th thỏa thuận chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm. Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 56, 81, 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là: Trần Phúc Duy H, sinh ngày 22/10/2016. Anh Trần Văn M phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị Th mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) tính từ tháng 11/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007047, ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai.

Anh M phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, khoản tiền chưa thi hành còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDTXHM;
- Chi cục THADSHM;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh NA;
- UBND phường QP;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Tuấn